**Tuần 13:**

**Tiết 1: CỘNG HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU**

**Ngày dạy:30/11/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu, trọng tâm là cộng hai số nguyên âm

\_ Bước đầu hiểu được có thể dùng số nguyên biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng

\_ HS bước đầu có ý thức liên hệ những điều đã học với thực tiễn

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ GV đặt câu hỏi :  + HS1 : Nêu cách so sánh hai số nguyên a và b trên trục số  Nêu các nhận xét về so sánh hai số nguyên  Sửa bài tập 28 trang 58 SBT  + HS2 : Giá trị tuyệt đối của số nguyên a là gì ?  Nêu cách tính GTTĐ của số nguyên dương, số nguyên âm, số 0  Sửa bài tập 29 trang 58 SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : CỘNG HAI SỐ NGUYÊN DƯƠNG** | | |
| Ví dụ (+4) + (+2) =  Số (+4) và (+2) chính là các số tự nhiên 4 và 2. Vậy (+4) + (+2) bằng bao nhiêu ?  Vâỵ cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác không  Áp dụng : (+425) + (+150) = ?  Minh họa trên trục số : GV thực hành trên trục số : (+4) + (+2)  + Di chuyển con chạy từ điểm 0 đến điểm 4  + Di chuyển tiếp con chạy về bên phải 2 đơn vị tới điểm 6  Vậy (+4) + (+2) = (+6) | (+4) + (+2) = 4 + 2 = 6  (+425) + (+150) = 425 + 150 = 575  Áp dụng : cộng trên trục số  (+3) + (5) = +8 | **1) Cộng hai số nguyên dương**  Cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác không  Vd : (+4) + (+2) = 4 + 2 = 6 |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : CỘNG HAI SỐ NGUYÊN ÂM** | | |
| \_ GV : Ở các bài trước ta đã biết có thể dùng số nguyên để biểu thị các đại lượng có hai hướng ngược nhau, hôm nay ta lại dùng số nguyên để biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng như : tăng và giảm, lên cao và xuống thấp  Thí dụ : khi nhiệt độ giảm 30C ta có thể nói nhiệt độ tăng -30C  Khi số tiền giảm 100000đ, ta có thể nói số tiền tăng -100000đ  Ví dụ 1 : (SGK)  Tóm tắt : nhiệt độ buổi trưa -30C, buổi chiều nhiệt độ giảm 20C  Tính nhiệt độ buổi chiều ?  \_ GV : Nói nhiệt độ buổi chiều giảm 20C, ta có thể coi là nhiệt độ tăng như thế nào ?  \_ Muốn tìm nhiệt độ buổi chiều ở Mat-xcơ-va ta phải làm thế nào ?  Hãy thực hiện phép cộng bằng trục số, GV hướng dẫn :  + Di chuyển con chạy từ điểm 0 đến điểm (-3)  + Để cộng với (-2), ta di chuyển tiếp con chạy về bên trái 2 đơn vị, khi đó con chạy đến điểm nào ?  \_ GV đưa hình 45 trang 74 lên trình bày lại  Vậy : (-3) + (-2) = -5  \_ Áp dụng trên trục số :  (-4) + (-5) = (-9)  Vậy khi cộng hai số nguyên âm ta được số nguyên như thế nào ?  \_ Yêu cầu HS tính và so sánh  và  \_ Vậy khi cộng hai số nguyên âm ta làm như thế nào ?  \_ Quy tắc (SGK)  GV chú ý tách quy tắc thành hai bước :  + Công hai giá trị tuyệt đối  + Đặt dấu “-“ đằng trước  Ví dụ :  (-17) + (-54) = -(17 + 54) = -71  Cho HS làm ?2 | \_ HS tóm tắt đề bài, GV ghi lên bảng  \_ HS : nói nhiệt độ buổi chiều giảm 20C, ta có thể coi là nhiệt độ tăng  (-20C)  \_ HS : Ta phải làm phép cộng  (-3) + (-2) = ?  HS quan sát và làm theo | **2) Cộng hai số nguyên âm :**  Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi đặt dấu “-” trước kết quả  Vd : (−17) + (−54) = −71 |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| GV : Trên trục số nằm ngang, số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b khi nào ? Cho ví dụ  So sánh (-1000) và (+2)  GV :  \_ Thế nào là GTTĐ của số nguyên a ?  Nêu các nhận xét về GTTĐ của một số. Cho ví dụ  \_ GV yêu cầu HS làm bài tập 15 trang 73 SGK  \_ GV giới thiệu “có thể coi mỗi số nguyên gồm 2 phần : phần đầu và phần số. Phần số chính là GTTĐ của nó” | \_ HS trả lời  Cho hai HS lấy ví dụ  (-1000) < (+2)  \_ HS trình bày như SGK  \_ HS lấy ví dụ minh họa các nhận xét  \_ HS làm bài tập 15 trang 73 SGK |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học kĩ bài ghi  \_ Bài tập số 14 trang 73 SGK và bài 16, 17 luyện tập SGK  \_ Bài tập số 17 đến 22 trang 57 SBT  \_ Tiết sau luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_Giáo viên giảng kỹ cách cộng hai số nguyên cùng dấu, trọng tâm là cộng hai số nguyên âm

-Giáo viên chú ý rèn cho HS yếu thông qua các bài tập cơ bản.

**Tuần 13:**

**Tiết 2: CỘNG HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU**

**Ngày dạy: 30/11/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS nắm vững cách cộng hai số nguyên khác dấu (phân biệt với cộng hai số nguyên cùng dấu)

\_ HS hiểu được việc dùng số nguyên để biểu thị sự tăng hoặc giảm của một đại lượng

\_ Có ý thức liên hệ những điều đã học với thực tiễn và bước đầu biết diễn đạt một tình huống thực tiễn bằng ngôn ngữ toán học.

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ GV đặt câu hỏi :  + Nêu quy tắc cộng hai số nguyên âm ? cộng hai số nguyên dương ?  + Sửa bài tập 28 trang 58 SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : VÍ DỤ** | | |
| \_ GV nêu ví dụ trang 75 SGK yêu cầu HS tóm tắt đề bài  \_ Muốn biết nhiệt độ trong hòng ướp lạnh chiều hôm đó là bao nhiêu, ta làm thế nào ?  Gợi ý : nhiệt độ giảm 50C, có thể coi là tăng bao nhiêu độ C ?  \_ Hãy dùng trục số để tìm kết quả phép tính  Giải thích cách làm  \_ GV đưa hình 46 lên giải thích lại  Ghi lại bài làm :  (+3) + (−5) = (−2)  và câu trả lời  - Hãy tính giá trị tuyệt đối của mỗi số hạng và giá trị tuyệt đối của tổng ? So sánh hai giá trị tuyệt đối của tổng và hiệu của hai giá trị tuyệt đối  - Dấu của tổng xác định như thế nào ?  \_ GV yêu cầu HS làm ?1, thực hiện trên trục số  \_ GV yêu cầu HS làm ?2 | Tóm tắt :  - Nhiệt độ buổi sáng 30C  - Chiều nhiệt độ giảm 50C  Hỏi nhiệt độ buổi chiều ?  \_ HS : 30C − 50C  \_ 1 HS lên bảng thực hiện phép cộng trên trục số; các HS khác làm trên trục số của mình  |+3| = 3; |−5| = 5  |−2| = 2  5 − 3 = 2  - Giá trị tuyệt đối của tổng bằng hiệu hai giá trị tuyệt đối  (giá trị tuyệt đối lớn trừ giá trị tuyệt đối nhỏ)  - Dấu của tổng là dấu của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn  \_ HS làm ?1  \_ HS làm ?2 | **1) Ví dụ :**  SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : QUY TẮC CỘNG HAI SỐ KHÁC DẤU** | | |
| \_Qua các ví dụ trên hãy cho biết Tổng của hai số đối nhau là bao nhiêu ?  \_ Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau ta làm thế nào  \_ Đưa quy tắc lên màn hình, yêu cầu HS nhắc lại nhiều lần  Ví dụ : (−237) + 55 = −(237 − 55)  = −218  \_ Cho HS làm tiếp ?3  \_ Cho HS làm bài tập 27 trang 76 SGK | \_ HS :  + Tổng của hai số đối nhau bằng 0  + Muốn cộng hai số nguyên khác dấu mà không đối nhau ta tìm hiệu hai giá trị tuyệt đối (số lớn trừ số nhỏ) rồi đặt trước kết quả dấu của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn  HS làm ví dụ  \_ HS làm tiếp ?3  \_ HS làm bài tập 27 trang 76 SGK | **2) Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu :**  + Tổng của hai số đối nhau bằng 0  + Muốn cộng hai số nguyên khác dấu mà không đối nhau ta tìm hiệu hai giá trị tuyệt đối (số lớn trừ số nhỏ) rồi đặt trước kết quả dấu của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn  Vd : (−237) + 55 = −(237 − 55) = −218 |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| \_ Nhắc lại quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu. So sánh hai quy tắc đó  \_ Điền đúng, sai vào ô trống :    \_ Hoạt động nhóm  Làm bài tập : Tính  a) |−18| + (−12)  b) 102 + (−120)  d) So sánh : 23 + (−13)  và (−23) + 13   1. (−15) + 15 | \_ HS nêu lại các quy tắc  \_ So sánh về hai bước làm  + tính giá trị tuyệt dối  + xác định dấu  \_ HS lên bảng điền  Đ  Đ  S  S  Cho hai hoặc bốn HS một nhóm để làm bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học thuộc quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu. So sánh để nắm vững hai quy tắc đó  \_ Bài tập số 29(b), 30, 31, 32, 33 trang 76, 77 SGK  \_ Bài 30 rút ra nhận xét : Một số cộng với một số nguyên âm, kết quả thay đổi thế nào ? Một số cộng với một số nguyên dương kết quả thay đổi thế nào ?  \_ Tiết sau luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Giáo viên giảng kỹ HS nắm vững cách cộng hai số nguyên khác dấu (phân biệt với cộng hai số nguyên cùng dấu)

\_ GV cho thêm toán thực tế để HS luyện tập.

**Tuần 13:**

**Tiết 3: TÍNH CHẤT CỦA PHÉP CỘNG CÁC SỐ NGUYÊN**

**CÁC SỐ NGUYÊN**

**Ngày dạy:02/12/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS nắm được bốn tính chất cơ bản của phép cộng các số nguyên : giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối

\_ Bước đầu hiểu và có ý thức vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng để tính nhanh và tính toán hợp lý

\_ Biết và tính đúng tổng của nhiều số nguyên

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ GV đặt câu hỏi :  + Nêu quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu  + Sửa bài tập 51 trang 60 SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : TÍNH CHẤT GIAO HOÁN** | | |
| \_ Trên cơ sở kiểm tra bài cũ GV đặt vấn đề : qua ví dụ, ta thấy phép cộng các số nguyên cũng có tính chất giao hoán  \_ Cho HS tự lấy thêm ví dụ  − Phát biểu nội dung tính chất giao hoán của phép cộng các số nguyên  \_ Yêu cầu HS nêu công thức  a + b = b + a | \_ HS lấy thêm 2 ví dụ minh họa  \_ HS phát biểu : Tổng hai số nguyên không đổi chỗ nếu ta đổi chỗ các số hạng  \_ HS nêu công thức | 1. Tính chất giao hoán(10')  ?1  a. (-2) + (-3) = (-5)  (-3) + (-2) = (-5)  b. (-5) + (+7) = (+2)  (+7) + (-5) = (+2)  c. ......  a + b = b + a |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : TÍNH CHẤT KẾT HỢP** | | |
| \_ GV yêu cầu HS làm ?2  Tính và so sánh kết quả :  [(−3) + 4)] + 2; −3 + (4 + 2);  [(−3) + 2)] + 4  Nêu thứ tự thực hiện phép tính trong từng biểu thức  \_ Vậy muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể làm như thế nào ?  \_ Nêu công thức biểu thị tính chất kết hợp của phép cộng số nguyên  \_ GV ghi công thức  \_ GV giới thiệu phần chú ý trang 78 SGK  (a + b) + c = a + (b + c) = a + b + c  Kết quả trên gọi là tổng của 3 số a; b; c và viết : a + b + c  Tương tự ta có tổng của 4; 5; 6 … số nguyên. Khi … (SGK)  \_ GV yêu cầu HS làm bài tập số 36 trang 78 SGK. GV gợi ý HS áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính hợp lý | \_ HS làm ?2  [(−3) + 4)] + 2 = 1 + 2 = 3  −3 + (4 + 2) = −3 + 6 = 3  Vậy  [(−3) + 4)] + 2 = −3 + (4 + 2)  = [(−3) + 2] + 4  \_ HS : muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể lấy số thứ nhất cộng với tổng của số thứ hai và số thứ ba  \_ HS nêu công thức  (a + b) + c = a + (b + c)  \_ HS làm bài tập 36 SGK | 2. Tính chất kết hợp(10')  ?2      Vậy:  (a+b)+c=a+(b+c)  Chú ý: SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : CỘNG VỚI SỐ 0** | | |
| \_ GV : Một số nguyên cộng với số 0, kết quả như thế nào ? Cho ví dụ  Ví dụ : (−10) + 0 = (−10)  (+12) + 0 = (+12)  \_ GV : Nêu công thức tổng quát của tính chất này ?  \_ GV ghi công thức : a + 0 = a | \_ HS : Một số cộng với số 0, kết quả bằng chính nó | 3. Cộng với số 0 (5')  a+0=0+a=a  4. Cộng với số đối(6')  Số đối của số nguyên a kí hiệu là -a.  Vậy số đối của –a là a ( có thể viết là -(-a) ).  Hai số nguyên đối nhau có tổng bằng 0.  a + (-a) = 0  Nếu a+b = 0 thì b = -a  và a = -b  ?3.  Các số nguyên x thoả mãn điều kiện -3<x<3 là: -2;-1;0;1;2. Tổng của chúng là:  (-2)+(-1)+0+1+2 =  ++0  = 0 + 0 + 0  = 0 |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| \_ Nhắc lại quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu. So sánh hai quy tắc đó  \_ Điền đúng, sai vào ô trống :    \_ Hoạt động nhóm  Làm bài tập : Tính  a) |−18| + (−12)  b) 102 + (−120)  d) So sánh : 23 + (−13)  và (−23) + 13  d) (−15) + 15 | \_ HS nêu lại các quy tắc  \_ So sánh về hai bước làm  + tính giá trị tuyệt dối  + xác định dấu  \_ HS lên bảng điền  Đ  Đ  S  S  Cho hai hoặc bốn HS một nhóm để làm bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 6 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học thuộc quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu. So sánh để nắm vững hai quy tắc đó  \_ Bài tập số 29(b), 30, 31, 32, 33 trang 76, 77 SGK  \_ Bài 30 rút ra nhận xét : Một số cộng với một số nguyên âm, kết quả thay đổi thế nào ? Một số cộng với một số nguyên dương kết quả thay đổi thế nào ? | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Giáo viên cho các bài tập rèn kĩ năng tính đúng tổng của nhiều số nguyên

\_ Vận dụng vào các bài toán thực tế

\_GV giảng chậm, kỹ để HS nắm bài.